

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HÀ THỊ HẰNG

**NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ
TRI THỨC Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2013

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HÀ THỊ HẰNG

**NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ
TRI THỨC Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Mã số : 62 31 01 01

LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Trần Quang Lâm

2. TS. Vũ Thị Thoa

HÀ NỘI - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, tư liệu được sử dụng trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng; những phát hiện đưa ra trong luận án là kết quả nghiên cứu của tác giả

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Hà Thị Hằng

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNH	Công nghiệp hóa
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CMKT	Chuyên môn kỹ thuật
CNTT	Công nghệ thông tin
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CNKT	Công nhân kỹ thuật
CD	Cao đẳng
ĐH	Đại học
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GD - ĐT	Giáo dục - Đào tạo
GS	Giáo sư
KTTT	Kinh tế thị trường
KTTTh	Kinh tế tri thức
KT - XH	Kinh tế - Xã hội
KH - CN	Khoa học - Công nghệ
KCN	Khu công nghiệp
LLLĐ	Lực lượng lao động
LLSX	Lực lượng sản xuất
LĐ	Lao động
NCS	Nghiên cứu sinh
NNL	Nguồn nhân lực
NNLCLC	Nguồn nhân lực chất lượng cao
NNLKH - CN	Nguồn nhân lực khoa học - công nghệ
PGS	Phó giáo sư
SC	Sơ cấp
SX - KD	Sản xuất - Kinh doanh
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
THCN	Trung học chuyên nghiệp
Ths	Thạc sỹ
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
TC	Trung cấp
TCH	Toàn cầu hóa
UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC	6
Các công trình nghiên cứu về nguồn nhân lực phục vụ cho công 1.1 nghiệp hoá, hiện đại hoá.	6
Các công trình nghiên cứu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong 1.2 nền kinh tế tri thức	16
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC	23
2.1 Nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	24
2.1.1 Nguồn nhân lực và đặc thù của nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	24
2.1.2 Công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức và yêu cầu của nguồn nhân lực	30
2.2 Tính quy luật trong dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	41
2.2.1 Các yếu tố tác động đến xu hướng dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	42
2.2.2 Xu hướng và tính quy luật trong dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	44
2.3 Kinh nghiệm của một số quốc gia và một số tỉnh trong nước về phát triển nguồn nhân lực	50
2.3.1 Kinh nghiệm về phát triển nguồn nhân lực ở một số quốc gia Đông Á	51
2.3.2 Kinh nghiệm về phát triển nguồn nhân lực của một số tỉnh ở Việt Nam	59

2.3.3	Những bài học rút ra đối với tỉnh Thừa Thiên Huế trong phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	64
	Chương 3: THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC Ở THỪA THIÊN HUẾ	67
3.1	Đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế ảnh hưởng đến hình thành và phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	67
3.1.1	Điều kiện tự nhiên của tỉnh Thừa Thiên Huế ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	67
3.1.2	Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	69
3.1.3	Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	71
3.2	Thực trạng phát triển và dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	73
3.2.1	Thực trạng quy mô và chất lượng nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	73
3.2.2	Thực trạng dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	88
3.2.3	Thực trạng hệ thống đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	100
3.3	Đánh giá chung về nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	105

3.3.1	Những lợi thế, ưu điểm trong phát triển và dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	105
3.3.2	Những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế và những vấn đề đặt ra trong phát triển và dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức	107
	Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	117
4.1	Quan điểm và dự báo về phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	117
4.1.1	Dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020.	117
4.1.2	Những quan điểm cơ bản trong phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	119
4.2	Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	125
4.2.1	Nhóm các giải pháp tạo tiền đề phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	125
4.2.2	Nhóm các giải pháp trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	131
4.2.3	Nhóm các giải pháp khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế	147
	KẾT LUẬN	155
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
	PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ HÌNH

Số hiệu	Tên bảng và hình	Trang
Bảng 2.1	LLLĐ thông tin trong tổng LLLĐ ở các nước phát triển	48
Bảng 2.2	LLLĐ trong lĩnh vực phần mềm ở các nước phát triển	48
Bảng 2.3	Sự phát triển việc làm theo các khu vực kinh tế ở các nước tiên tiến	49
Bảng 3.1	Cơ cấu dân số trong tuổi LĐ phân theo trình độ học vấn	78
Bảng 3.2	Đội ngũ trí thức của tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2010	79
Bảng 3.3	Đội ngũ cán bộ KH - CN của Đại học Huế giai đoạn 2001 - 2011	80
Bảng 3.4	LĐ làm việc trong ngành CNTT năm 2009	81
Bảng 3.5	Đánh giá của cơ quan sử dụng LĐ về khả năng sáng tạo trong công việc của người LĐ	84
Bảng 3.6	Dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ CMKT chia theo bậc đào tạo	91
Bảng 3.7	LLLĐ từ 15 tuổi trở lên chia theo lĩnh vực đào tạo năm 2011	93
Bảng 3.8	LĐ có việc làm từ 15 tuổi trở lên theo trình độ CMKT và lĩnh vực đào tạo năm 2011	94
Bảng 3.9	Số lượng LĐ có việc làm chia theo nghề nghiệp	98
Bảng 3.10	LĐ qua đào tạo nghề tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2001 - 2010	102
Hình 3.1	Cơ cấu NNL theo trình độ CMKT giai đoạn 1999 - 2011	89
Hình 3.2	Cơ cấu LĐ theo ngành kinh tế giai đoạn 1999 - 2010	96
Hình 3.3	Cơ cấu LĐ có việc làm phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 1999 - 2011	97

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Lý luận và thực tiễn đều khẳng định vai trò quyết định của nguồn nhân lực (NNL), nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao (NNLCLC) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) nói chung và công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) nói riêng. Thực tế, những quốc gia, địa phương nào quan tâm, đào tạo, sử dụng hợp lý và có hiệu quả NNL đều dẫn đến thành công. Sự hồi phục nhanh chóng của nước Đức sau chiến tranh thế giới thứ II hay sự phát triển thần kỳ của các quốc gia và vùng lãnh thổ có nền công nghiệp phát triển ở Châu Á như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... là những minh chứng rõ ràng cho nhận định trên.

NNL giữ vai trò quyết định, song ở những trình độ phát triển khác nhau lại đặt ra những yêu cầu khác nhau đối với NNL. Trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học - công nghệ (KH - CN) phát triển như vũ bão và xu thế toàn cầu hoá (TCH) kinh tế thúc đẩy sự lan toả nhanh của kinh tế tri thức (KTTTh), Việt Nam không thể thực hiện CNH, HĐH theo con đường “truyền thống”, mà phải “đi tắt, đón đầu”, tức là CNH, HĐH gắn với phát triển KTTTh. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã khẳng định “Tranh thủ thời cơ thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình CNH, HĐH đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH) gắn với phát triển KTTTh”[43; 87]. Để thực hiện được mục tiêu trên, trong Chiến lược phát triển KT - XH đến năm 2020 Đảng ta xác định có ba khâu đột phá và một trong ba khâu đột phá đó là phát triển nhanh NNL, đặc biệt là NNLCLC.

Thừa Thiên Huế là một tỉnh của miền Trung có điều kiện tự nhiên tương đối khắc nghiệt, các nguồn lực để phát triển KT - XH hạn chế. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển NNL, NNLCLC đối với sự tăng trưởng và phát triển KT - XH, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xây dựng Đề án 02/TU/2008 về đào tạo tiến sỹ (TS), thạc sỹ (Ths) tại cơ sở nước ngoài; Đề án 03/TU/2008 về đào tạo cán bộ cơ sở chủ chốt xã, phường, thị trấn theo chức danh; Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo (GD - ĐT) đến năm 2015 và định hướng đến 2020; Đề án phát triển dạy nghề giai

đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn 2020... Đến nay, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xây dựng được đội ngũ NNL không chỉ đông về số lượng, đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, mà còn đảm bảo về mặt chất lượng. Trình độ học vấn của dân số trong độ tuổi lao động (LĐ) có sự chuyển biến tích cực: tỷ lệ LĐ biết chữ năm 2005 là 83% đến năm 2010 tăng lên 93,5%; tỷ lệ LĐ có trình độ học vấn từ trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) ngày càng tăng và chiếm tỷ trọng cao, năm 2001 chiếm 33,6% đến năm 2010 chiếm 49,5%. Cùng với trình độ học vấn của người LĐ được nâng lên, xu hướng tri thức hoá để hình thành NNLCLC ngày càng rõ nét: năm 2010 số người có trình độ trên đại học (ĐH) là 2.024 người, 41.744 người có trình độ ĐH, 13.505 người có trình độ cao đẳng (CĐ), 34.198 người có trình độ trung cấp (TC), công nhân kỹ thuật (CNKT), sơ cấp (SC) là 202.860 người, 148 giáo sư (GS) và phó giáo sư (PGS), 106 nhà giáo nhân dân và nhà giáo ưu tú, 15 thầy thuốc nhân dân và thầy thuốc ưu tú, 16 nghệ sỹ ưu tú. Ngoài ra, năng lực, khả năng sáng tạo, biết vận dụng những tri thức, kỹ năng được đào tạo vào nghiên cứu khoa học, giảng dạy, lãnh đạo, quản lý, LĐ sản xuất, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng cũng được nâng lên: năm 2006 đã có 98 nhà nghiên cứu khoa học được tặng giải thưởng cô đô về KH - CN; giai đoạn 2003 - 2008 có 13.100 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến, sáng tạo của công nhân viên chức được ứng dụng... Tuy nhiên, NNL của tỉnh còn chưa tương xứng với yêu cầu CNH, HĐH gắn với phát triển KTTTh. Những biểu hiện chủ yếu: 1) LĐ từ 15 tuổi trở lên không có trình độ CMKT chiếm tỷ lệ khá cao (năm 2009 là 87,4%), số LĐ có trình độ CMKT chỉ chiếm 12,6%; 2) Các bậc đào tạo chậm chuyển biến; 3) Cơ cấu đào tạo trình độ giữa các cấp nghề có sự bất cập: SC nghề và tương đương chiếm hơn 84%; trong khi TC nghề và tương đương chỉ 14%, còn CĐ nghề lại quá ít, chỉ có 1,79%; 4) Đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, thị trấn hiện rất hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hiện hơn 50% cán bộ xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn...

Vấn đề đặt ra, để tiếp thu, ứng dụng những thành tựu tri thức của nhân loại, sáng tạo ra tri thức mới và thực hiện Kết luận 48/KL - TW ngày 25/5/2009 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, đòi hỏi tỉnh cần tập trung phát triển NNL, NNLCLC. Đây là thách thức lớn đối với Thừa Thiên Huế -